

GIÁ TRỊ ĐẠO NGHĨA GIA ĐÌNH TRONG HÁT RU CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• Đoàn Trung Hiếu^(*), Trần Thị Hoàng Mỹ^(*)

Tóm tắt

Hát ru có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời. Ở Việt Nam, hát ru là loại hình diễn xướng lưu truyền phổ biến trong các dân tộc. Mỗi lời ru chứa đựng trong đó những giá trị về mặt triết lý và thẩm mỹ độc đáo. Qua lời ru, người ta có thể định hình nhân cách hay phát triển ngôn ngữ cho trẻ thơ ngay từ khi còn nhỏ. Dựa vào cứ liệu thống kê điền dã về hát ru của người Việt Đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi tiến hành tìm hiểu về một mảng nhỏ là giá trị đạo nghĩa gia đình trong hát ru, thông qua đó để thấy được tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành nhân cách của trẻ, cụ thể là gieo vào tâm hồn tuổi thơ những hạt giống luân lý, nhân nghĩa làm người và cả tình yêu thương đối với mọi người trong gia đình.

Từ khóa: hát ru, giá trị đạo nghĩa gia đình, Đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình phát triển văn hóa, hầu như dân tộc nào cũng có hát ru. Hình thức và trạng thái tình cảm thể hiện trong hát ru, ở mức độ nào đó, mang sắc thái đặc trưng của từng dân tộc, trở thành vốn liếng riêng của mỗi ngôn ngữ. Tác giả Phạm Phúc Minh cho rằng: “Hát ru còn gọi là hát ru con hoặc ru em là một lối hát theo tập quán truyền thống và rất phổ biến ở các vùng, các dân tộc ở trên khắp mọi miền đất nước. Tuy mỗi miền, mỗi dân tộc đều có điệu hát ru được gọi bằng các tên gọi khác nhau và âm nhạc cũng mang màu sắc riêng, nhưng có những điểm chung như: giai điệu êm dịu, du dương, trù mến; tiết tấu đều đặn, nhịp nhàng; lời ca giàu hình tượng, dào dạt tình thương yêu tha thiết đối với em thơ, tất cả những yếu tố đó đã như đôi cánh nhẹ nhàng đưa em bé vào giấc ngủ yên lành” [2, tr. 196].

Hát ru, về cơ bản được xem là một hình thức diễn xướng dân gian, và hình thức “trình bày các sáng tác dân gian bằng lời lẽ, âm thanh, nhịp điệu” ấy [5, tr. 85] có một sức truyền đạt mạnh mẽ, sâu sắc, nó góp phần hình thành và phát triển nhân cách con người ngay từ khi chập chững bước vào đời, với 2 nguồn kênh tiếp nhận thể giới xung quanh là âm thanh và hình ảnh.

Ở Việt Nam, hát ru là loại hình văn hóa dân gian phi vật thể có từ lâu đời, được lưu truyền phổ biến trong các dân tộc Việt Nam, góp phần vào sự đa dạng, phong phú của nền văn hoá dân

tộc. Đối với hát ru tại Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), đã có một số công trình nghiên cứu như: *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* (Vũ Ngọc Phan, 1972), *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ* (Lư Nhất Vũ và Lê Giang, 1983), *Lời ru của mẹ* (Mai Văn Tạo, 1986), *Đồng dao và ca dao cho trẻ em* (Nguyễn Nghĩa Dân, 2010), *Viết cho các bà mẹ sinh con đầu lòng* (Đỗ Hồng Ngọc, 1974), *Hát ru tỉnh Vĩnh Long* (Sở Văn hóa Thông tin - Hội Văn học Nghệ thuật Vĩnh Long, 2006), *Hát ru Việt Nam* (Lư Nhất Vũ và Lê Giang, 2005), *Hát ru ba miền* (Lê Văn, 2006), *Mẹ ru bé ngủ à ơi* (Lê Thanh Nga, 2010), *999 bài hát ru ba miền* (Cao Hoàng Long, 2012), *Ca dao trữ tình Việt Nam* (Vũ Dung, 1994), *Văn học dân gian ĐBSCL* (Khoa Ngữ văn Trường Đại học Cần Thơ, 1997)... các tác phẩm này về cơ bản đã giới thiệu được về đặc điểm nhạc học của hát ru, một số tác giả còn bình luận một cách khá sâu sắc về những bài hát ru ở cả Bắc - Trung - Nam, so sánh giữa lời cũ và lời mới trong quá trình giao tiếp biến văn hóa sinh ra dị bản và cũng sưu tầm được nhiều bài hát ru ở các khu vực trong cả nước.

Ví dụ như tác phẩm *Tìm hiểu dân ca Nam Bộ*, tác giả Lư Nhất Vũ và Lê Giang đã mô tả rất phong phú về thể loại như *hát, lý, hò, nói thơ, nói vè*. Đặc biệt thể loại “hát” thì có “hát đưa em”. Hay để đi sâu khái quát một cách tỉ mỉ về tác dụng và cách thức của hát ru trong quyển *Hát ru Việt Nam*, nhạc sĩ Tô Vũ đã cho rằng “Những lời hát ru không phải chỉ để ru. Chúng còn là chìa khóa mở cửa tâm hồn”...

^(*) Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp.

Những công trình về hát ru chúng tôi nêu ở trên tuy nhiều, nhưng chưa có công trình chính thống nào tiếp cận theo hướng “đặc điểm ngữ nghĩa” của lời hát ru một cách chuyên sâu. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích những *giá trị đạo nghĩa gia đình* được bộc lộ trong hát ru ở ĐBSCL. Mục tiêu hướng tới là thấy được tầm quan trọng của gia đình trong việc hình thành nhân cách của trẻ, cụ thể là hát ru đã góp phần gieo vào tâm hồn trẻ thơ những hạt giống luân lý, nhân nghĩa làm người và cả tình yêu thương đối với mọi người trong gia đình. Nguồn dữ liệu được chúng tôi sử dụng làm cứ liệu phân tích trong bài viết này là những câu hát ru điều tra điền dã tại các tỉnh ở ĐBSCL.

2. Nội dung hát ru thể hiện giá trị đạo nghĩa gia đình

2.1. Những câu hát ru về ơn đức sinh thành, dưỡng dục

Tác giả Nguyễn Phương Thảo, Hoàng Thị Bạch Liên đã viết: “Tiếng ru là tiếng hát của lòng mẹ, người đã mang nặng đẻ đau, trực tiếp nuôi nấng con cái, lúc đau thương, khi buồn tủi, lo lắng hay vinh quang cũng vì con. Lớn lên ai đã từng xúc cảm với tiếng hát ru mà không nhớ đến công ơn cha mẹ?” [5, tr. 23].

Trong những thế kỷ trước, người Việt quan niệm: “nam ngoại nữ nội” [7, tr. 2], nghĩa là người phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính về các vấn đề trong gia đình. Không xét về góc độ xã hội, thì cơ bản giữa mẹ và con đã có mối quan hệ bản năng khăng khít. Từ khi đưa con được hình thành trong bụng mẹ đến khi lớn lên, mẹ và gia đình là những người tiếp xúc và ảnh hưởng đến bé nhiều nhất. Môi trường, hoàn cảnh sống, đối tượng giao tiếp hay nói chính xác hơn là những điều “mắt thấy, tai nghe” là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến nhân cách, cá tính, tài năng của các thành viên trong gia đình. Trên thực tế, tính cách con người không do “trời sinh” mà được nhận thức và biến đổi dần trong quá trình tiếp nhận xã hội. Trẻ con bắt đầu có nhận thức từ ba đến năm tuổi. Hát ru đã làm được một nhiệm vụ hết sức thiêng liêng, đó là gieo vào tâm hồn tuổi thơ những hạt giống luân lý, nhân nghĩa làm người và cả tình yêu về quê hương xứ sở.

Gia đình là cái cốt lõi rồi mới đến quốc gia và thiên hạ. Khổng Tử cũng nói thêm trong Kinh Thi rằng: “Ai ai phụ mẫu, sinh ngã lao tụy” [3, tr. 375], điều đó có nghĩa là công lao cha mẹ đối với con cái vô cùng khó nhọc. Trong nội dung hát ru ở ĐBSCL, việc giáo dục con cái sao cho chúng hiểu ơn sinh thành dưỡng dục là vấn đề luôn được chú trọng. Trước hết, bản phận làm con thì phải hiểu thảo đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ:

“Àu ơ ơ...

Khôn ngoan nhờ đức cha ông

Làm nên phải đoái tỏ tông ông bà

Đạo làm con chớ hững hờ

Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.”

(Lê Thị Liên, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang)

Hay: “Àu ơ ví dầu...

Lòng hiếu thảo tựa giọt sương, hột bụi

Ơn sanh thành tựa núi Thái Sơn ầu ơ...

Còn cha còn mẹ thì hơn ầu ơ...

Mắt cha mắt mẹ ầu ơ...

Mắt cha mắt mẹ như đờn đứt dây!”

(Phan Thị Liên, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long)

Với mô-tip “ầu ơ”, “ví dầu” mở đầu cho hát ru Nam Bộ, những câu hát ru tại ĐBSCL đã so sánh tấm lòng của cha mẹ lớn tựa “biển trời”, ơn sâu ấy muốn báo đáp cũng như trời cao lồng lộng, sâu thẳm vô cùng (“Dục báo chi đức, hạo thiên võng cực” [3, tr. 378]). Việc lấy hình ảnh “đờn đứt dây” để ví khi cha mẹ mất đi là một hình tượng hết sức Nam Bộ. Bởi đối với dân tài tử, việc sử dụng cây đờn có đủ dây thì mới đảm bảo được ngũ cung. Đờn đứt dây cũng vẫn đàn được, tuy nhiên sẽ làm cho bản nhạc thiếu mất sự tròn trịa, nhiều người sẵn sàng bỏ dở cả bản nhạc vì lúc này các tổ hợp âm đã vỡ. Như vậy, đối với người ĐBSCL, cha mẹ là nhân tố làm cho cuộc đời thêm phần hoàn chỉnh. Có cha mẹ nghĩa là có sự trọn vẹn của gia đình. Những người con một khi đã ý thức được điều đó phải có bản phận tôn thờ, hiếu thảo với cha mẹ, chăm sóc cho cha mẹ từng miếng ăn giấc ngủ:

“Àu ơ ơ...

Ơn cha nghĩa mẹ phải đền

Sớm thăm, tối viếng mới thành đạo con.”

(Nguyễn Thị Gái, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

Hay: “Vĩ dầu cá bóng chặt đuôi
Tôm he bóc vỏ mà nuôi mẹ già
Mẹ già như chuối ba hương
Như xôi nếp một như đường mía lau.”

(Nguyễn Thị Bình, Khóm IV, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau)

Sự chăm sóc ấy vừa mang tính hiếu đạo, vừa là ý thức được giá trị tồn tại của một thế hệ tiền bối trong gia đình. Đã là con, ai cũng được “sinh ngã, cúc ngã, phủ ngã, súc ngã, trưởng ngã, dục ngã, cố ngã, phục ngã, phúc ngã” [3, tr. 377] (sinh ra, nâng đỡ, vuốt ve, cho bú, nuôi dưỡng, dạy dỗ, đoái trông, săn sóc, che chở - chín chữ cù lao là vậy). Vắng đi cha mẹ là vắng đi một phần quan trọng của cuộc đời:

“Àu ơ ơ...

Lục nguồn trôi trái bòn bon
Cha thác mẹ còn chịu cảnh mồ côi
Mồ côi khổ lắm ai ơi
Đói cơm không biết lẽ đời không ai phân.”

(Nguyễn Thanh Mai, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu)

Hát ru về công cha nghĩa mẹ là những bài học được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, chúng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa gia đình và cộng đồng làng xã. “Lục nguồn” tương ứng với 6 con sông trong khu vực: sông Hậu, sông Tiền, sông Mỹ Tho, sông Hàm Luông, sông Cổ Chiên, sông Ba Lai. Sáu con sông này chảy ra chín cửa, mang nặng phù sa. Mở đầu bài hát ru bằng hình ảnh của 6 dòng sông lớn trong khu vực, cộng thêm đặc sản “trái bòn bon” đã làm tăng thêm tính “địa phương” của bài hát ru truyền thống. Cùng với chiếc nôi, cánh võng, hát ru của các bà, các mẹ, các chị đã góp phần đưa trẻ vào giấc ngủ dịu lành. Đối với trẻ thơ, hát ru là nguồn sữa nuôi dưỡng tâm hồn, là nhịp cầu nối tâm thức trẻ con với môi trường sống. Tác giả Nguyễn Hữu Thu từng nhận xét: “Hát ru thực ra là những bài học đạo đức, thẩm mỹ với trẻ, nó tạo điều kiện cho trẻ nhận thức về tự nhiên và xã hội” [6, tr. 5]. Thật vậy, lời ru có sức hấp dẫn lôi cuốn mạnh mẽ trẻ con về thiên nhiên, con người; về tình cảm, đạo đức; về tình

đoàn kết và tri thức xã hội.

Ngoài ra, thông qua hát ru, người “ngoài cuộc” cũng có thể hiểu được hoàn cảnh gia đình ấy. Qua lời ru, người ta sẽ biết được người mẹ đang có con đó lấy chồng gần hay lấy chồng xa, nhà giàu hay nghèo, có thương yêu cha mẹ không, mối quan hệ giữa mẹ chồng - nàng dâu, giữa các chị em bạn dâu với nhau... như thế nào. Vì thế, hát ru ngoài chức năng ru ngủ còn có chức năng bộc bạch, chức năng giáo dục, chức năng định hình ngôn ngữ. Đó là nguồn văn hóa, nguồn ngôn ngữ tiền đề để trẻ thơ phát triển nhận thức.

Người hát ru có thể bộc bạch rằng mình lấy chồng xa, tấm lòng hiếu kính đối với cha mẹ ở quê cũ làm lòng đau như cắt:

“Àu ơ ơ... con chim đa đa đậu nhánh cây đa
Chồng gần không lấy để lấy chồng xa
Mai kia mẹ yếu cha già
Chén cơm đôi đũa bộ kỹ trà ai dâng?”

(Đặng Thị Mạo, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)

Hay: “Àu ơ ơ...
Lâm râm khăn vái phật trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.”

(Trần Thị Sinh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long)

Họ cũng có thể nhẹ nhàng mà bày tỏ tấm lòng hiếu thảo của mình dù nhà rất nghèo:

“Àu ơ ơ...
Đói lòng ăn bát cháo môn
Đề cơm nuôi mẹ... ơ... cho tròn hiếu trung”
(Phạm Minh Độ, phường 9, thành phố Cà Mau)

Hay: “Àu ơ ơ...
Mẹ già như chuối chín cây
Gió đông cũng sợ, gió tây cũng buồn
Mẹ già ở túp lều tranh
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con
Đói lòng ăn hột chà là
Đề cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.”

(Nguyễn Thị Cẩm, huyện Châu Thành, tỉnh Long An)

Hàng loạt hình ảnh gắn với cuộc sống làng quê ĐBSCL như: môn, chuối, lều tranh, chà là... đã đi vào lời hát ru một cách ngọt ngào, góp phần vẽ nên sự khổ cực, vất vả của những người lao động. Những hình ảnh gần gũi ấy sẽ khắc sâu trong

tiềm thức đưa trẻ về những lo toan của người mẹ và lòng hiếu kính mà người mẹ đang thực hiện. Có thể nói, hát ru đã làm nhiệm vụ chuyển tải thông tin một cách độc đáo. Khi ru, bất cứ người bà, người mẹ, người chị nào cũng mong muốn con em mình trưởng thành sẽ là người hiếu nghĩa vẹn toàn. Đó cũng chính là lý do khiến hát ru của người Việt ĐBSCL mang tính giáo dục sâu sắc, hướng con người đến việc rèn luyện nhân cách mà đỉnh cao là lòng biết ơn tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

2.2. Những câu hát ru về nghĩa tình của vợ chồng

Trong hát ru của người Việt ở ĐBSCL, tình cảm vợ chồng được thể hiện ở nhiều khía cạnh: lòng thủy chung, sự đồng cam cộng khổ, sự hy sinh, sự vị tha... Lời hát ru đã dùng ngôn ngữ tạo hình kết hợp với ngôn ngữ biểu hiện, không gian và thời gian sông nước cụ thể nhằm bộc bạch tâm trạng:

“Àu ơ ơ...

Ai chèo ghe bí qua sông
Đạo nghĩa vợ chồng nặng lắm ai ơi.”

(Nguyễn Thị Vân, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

Hay: “Àu ơ ơ...

Đón cây ai nữ dứt chồi,
Đạo chồng nghĩa vợ ơ ờ giận rồi lại thương.”

(Ngô Thị Hương, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long)

Sự chung thủy, yêu thương, gắn bó cùng nhau trở thành nền tảng gia đình để người hát ru tin tưởng. Đó là tiền đề giúp cho lời ru dịu ngọt, đưa đứa trẻ vào một thế giới đầy ắp yêu thương. Và vì chung thủy, nên họ sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi cùng nhau:

“Àu ơ ơ...

Rủ nhau xuống bẻ mò cua
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng
Em ơi chua ngọt đã từng
Non xanh nước ngọt xin đừng quên nhau.”

(Lê Thị Hai, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang)

Hay: “Đôi ta như nghĩa tào khang
Xuống khe bắt ốc, lên ngàn hái rau”

(Võ Thanh Phúc, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre)

Tình cảm tha thiết là thế, mặn nồng là thế, nên khi người chồng đi xa, tiếng hát ru của người vợ - người mẹ cũng trở nên da diết hơn:

“Àu ơ ơ...

Ra đồng ngả nón thăm đồng
Đồng bao nhiêu lúa thương chồng bấy nhiêu.”

(Nguyễn Thị Kim Tuyên, thị trấn Chợ Lách, tỉnh Bến Tre)

Hay: “Con cá lý ngư sàu tư biếng lội
Con chim trên cành sàu cội biếng bay

Sao hôm còn nhớ sao mai

Làm chồng xa vợ hỏi ai không buồn.”

(Nguyễn Thị Tuyết Lan, thị trấn Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)

Đối với người dân ĐBSCL, nhắc đến đồng ruộng, sông nước là nhắc đến những khoảng không gian rộng lớn. Việc sử dụng hình ảnh đồng lúa, sông nước để ví với nỗi nhớ, niềm yêu là một ví dụ đầy hình tượng, nó làm nổi bật lên được sự mê mông, nồng hậu của người ở lại đối với người đi xa.

Hát ru còn thể hiện được rất nhiều cung bậc cảm xúc khác. Cuộc sống vợ chồng không phải lúc nào cũng thấm thiết, cũng có khi người chồng ham mê vợ bé, rượu chè, cờ bạc... để người vợ phải lo toan mọi bề. Nhưng với bản tính vị tha, hy sinh họ vẫn luôn tha thứ:

“Ví dầu bầu bí dứt dây

Vợ ở chỗ này, chồng ở chỗ kia

Ồ, anh nói anh đi ba bữa anh về

Bữa nay bốn bữa, bơi xuống kiếm anh.”

(Lê Thị Ba, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

Hay: “Àu ơ ơ...

Chàng ơi phụ thiếp làm chi

Thiếp là cơm nguội ờ... đỡ khi ơ ớ ơ...
đói lòng.”

(Đồng Thị Còn, xã Thành Lợi, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long)

Lời ru vẫn ngọt ngào dù trong lòng chất chứa bao nỗi cay đắng. Tưởng tượng đến cảnh người phụ nữ bơi xuống đi tìm chồng qua hết con sông này đến con rạch khác đã đủ đau lòng. “Ví dầu” có nghĩa là dù gì đi nữa, việc chọn lựa cụm từ

mở đầu không dùng “ầu ơ” cũng là cả một nghệ thuật, nó nêu bật lên sự cam chịu của người phụ nữ ở ĐBSCL.

Thậm chí, nỗi đau khổ nhất là phải chia sẻ tình cảm, cán đáng hết mọi việc trong gia đình hết sức nặng nề nhưng khi người chồng có vợ bé người phụ nữ vẫn cam lòng chấp nhận, miễn sao người chồng vẫn ở trong gia đình:

“Ấu ơ ơ...

Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ bé bỏ bè con thơ
Con thơ tay ấm tay bông
Tay nào xách nước, tay nào nấu cơm.”

(Phạm Thị Bé Tư, xã Loan Mỹ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)

Hay: “Thưa anh anh giận em chi
Muốn cưới vợ bé em thì cưới cho.”

(Ngô Thị Đồng, xã Mỹ Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long)

Sự hy sinh, vị tha, chấp nhận thiệt thòi ấy không chỉ đơn thuần là để làm tròn “tam tòng, tứ đức” mà còn là tôn trọng sự tròn vẹn của gia đình. Trong những hoàn cảnh này, ta có thể thấy rõ nhân cách của người phụ nữ ở ĐBSCL. Nhân cách là đặc trưng xã hội, là phẩm chất xã hội của con người. Cái đặc trưng hy sinh, vị tha, chấp nhận thiệt thòi của người phụ nữ bắt nguồn từ sự tự ý thức về việc người đàn ông là trụ cột chính trong gia đình. “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm” - đàn ông lao động và giao tiếp xã hội, đàn bà là “nội tướng” giữ lửa trong gia đình. Câu hát ru không chỉ đơn thuần thể hiện được tình nghĩa vợ chồng mà còn là tổ hợp thể hiện tính tâm sinh lý của cá nhân và giá trị xã hội của mỗi người:

“Ấu ơ ơ...

Anh đừng uống rượu mà say
Bỏ đất ai cày ơ bỏ giống ai gieo.”

(Tô Thị Năm, xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau)

Hay: “Ấu ơ ơ...

Anh đừng ham bông quế bỏ bông lái
Mai sau quế rụng bông lái thơm lâu.”

(Nguyễn Thị Vẹn, xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre)

Mỗi lời ru, ít nhiều mang trong đó tình cảm riêng tư. Đó là nhu cầu thỏa mãn tâm tư, tình cảm

và lời nhắn nhủ của người thực hiện diễn xướng. Cuộc đời hiện lên một cách chân thực qua việc mượn ngôn từ để tâm sự hay cố ý hát cho đôi phương nghe:

“Ấu ơ ơ...

Rau răm đất cứng dễ búng khó trồng
Dầu hay, dầu dờ cùng là chồng em...”

(Nguyễn Thị Bích, xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang)

Hay: “Tay em nắm lấy tay anh
Dù ai nói quẩn nói quanh mặc lòng

Tay ấy đáng vợ đáng chồng
Duyên trời đã định, tơ hồng đã se.”

(Võ Thị Quyên, ấp Thạnh An, xã Đông Thạnh, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long)

Vợ chồng được xem là do trời định, có nợ có duyên với nhau từ tiền kiếp. Gia đình là tế bào của xã hội, những điều xảy ra trong gia đình phản ánh một phần xã hội thu nhỏ. Xã hội Việt Nam ta lấy gia đình làm gốc, coi đó là nền tảng để con người sinh sống và phát triển nhân cách. Nếu ở phương Tây, một nhà sống chung cao lắm là ba thế hệ, thì việc ở Việt Nam một nhà có đến “tứ đại đồng đường” hoặc “ngũ đại đồng đường” là chuyện bình thường. Gia đình Việt gắn liền với những bậc tiền bối và xóm làng, chịu sự ảnh hưởng của dư luận xã hội, những quy chuẩn đạo đức tồn tại sẵn này còn có giá trị cao hơn nhiều so với pháp luật. Vì thế, có thể khẳng định rằng có một nền “văn hóa gia đình ở Việt Nam”, nền văn hóa ấy được thể hiện rõ trong nếp sống, suy nghĩ, hành động, tình cảm... của những thành viên trong gia đình. Trong tất cả những mối quan hệ đó, người ta vẫn xem mối quan hệ vợ chồng là “đầu ngũ luân”. Những bài hát ru ở ĐBSCL đã làm tốt việc thể hiện mối quan hệ ấy, khái quát được nhiều cung bậc cảm xúc và trạng thái khác nhau.

2.3. Những câu hát ru về nghĩa vụ, tôn ti, nề nếp gia đình

Tác giả Nguyễn Phương Thảo, Hoàng Thị Bạch Liên trong quyển *Văn học dân gian Bến Tre* đã nhận định rằng “nếu một đứa trẻ nào đó chưa hề được nghe những câu hát về công cha, nghĩa mẹ, về tình thương yêu gia đình, về danh dự, lòng tự trọng, về chí làm trai thì chắc chắn đứa trẻ đó sẽ có một trái tim cứng rắn, ích kỷ, thô bạo... hơn

những đứa trẻ được đấm mình trong những câu hát, lời ru giáo huấn đầy tình cảm thương yêu của ông bà, cha mẹ” [5, tr. 56].

Giáo dục con cháu cũng là một biểu hiện của tình cảm gia đình. Đó là hoạt động thiết thực nhất của những thế hệ trước nhằm định hình nhân cách cho thế hệ sau, giúp cho thế hệ sau hiểu rõ mối quan hệ họ hàng, cộng đồng làng xã. Những lời hát đầu đời sẽ theo đứa trẻ trong suốt những tháng ngày sau, trở thành một hồi ức khó có thể phai mờ. Đó là lý do vì sao người ta bảo nhau:

“Có con thì phải dạy con
Dạy con nên khéo nên khôn mọi đường
Lấy lời hơn thiệt bảo ban
Tìm câu êm ả dịu dàng nhủ khuyên.”

(Dương Thị Cẩm, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An)

Trong trường hợp này, người mẹ trở thành đối tượng chính được nhắc đến trong quá trình giáo dục người con. Nếu gia đình là trường học đầu tiên của sự giáo dục đạo lý làm người thì chính câu hát ru là bài học cơ bản bằng nghệ thuật ngôn từ và âm nhạc.

Sự giáo dục ấy có thể bắt nguồn từ việc chỉ ra cho con cháu tầm quan trọng của việc học hỏi các kỹ năng, nghề nghiệp, tri thức:

“Con ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha
Gái thì giữ việc trong nhà
Khi vào canh củi, khi ra thêu thùa
Trai thì đọc sách ngâm thơ
Giùi mài kinh sử để chờ kíp khoa
Mai sau nói được nghiệp nhà
Trước là đẹp mặt sau là ấm thân.”

(Nguyễn Trung Tính, xã Vĩnh Bình Bắc, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang)

Lời ru này không chỉ đơn thuần giúp em bé rơi vào giấc ngủ mà có sức ảnh hưởng to lớn. Đây là lời nhắn nhủ đến tất cả con cháu, dâu, rể... trong nhà phải biết nghĩ đến uy tín của gia đình và cuộc sống bản thân mai sau.

Ngoài việc giáo dục sự tự ý thức, hát ru còn chỉ rõ ra những việc đáng phê phán và cần tránh cho đứa trẻ:

“Khôn ngoan đối đáp người ngoài

Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.”

(Mai Thị Bé, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre)

Hay: “Cò con đi học đường xa
Thần thơ chổ nọ, la cà chổ kia
Trưa rồi mà chẳng chịu về
Cơm canh mẹ đợi còn gì là ngon.”

(Nguyễn Thị Ngọc Huệ, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An)

Trong hát ru về giáo dục con cháu ở ĐBSCL, có một điểm đáng chú ý, đó là lời ru của người bà bao giờ cũng rất thiết thực, cụ thể; người mẹ bao giờ cũng mang nhiều mơ ước, kỳ vọng về đứa con; người chị thì có phần ngây ngô, thường nhắc đến thức ăn và cha mẹ... Hát ru hầu như thu tóm hết nhiều thể loại dân ca khác, phổ biến nhất là các đoạn lục bát. Đây là một dạng văn nghệ truyền miệng được đa số các cá nhân tiếp nhận đầu tiên trong cuộc đời so với các loại hình văn nghệ khác. Có lẽ vì vậy mà những lời ru bao giờ cũng bắt đầu bằng những điều đơn giản, dễ tiếp nhận và gần gũi, thử nghe một bài hát ru của người bà giáo dục về tính thật thà cho cháu như sau:

“Bắc thang lên hỏi cung mây
Hỏi sao Cuội phải áp cây cả đời
Cuội nghe bà hỏi Cuội cười
Bồi hay nói dối phải ngồi gốc cây...”

(Nguyễn Thị Năm, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ)

Hay lời ru của một người mẹ mong con mình mau lớn, chăm chỉ:

“Àu ơ... con ngủ cho say
Hay ăn chóng lớn, học ngoan mẹ mừng.”

(Nguyễn Thanh Mai, ấp 1, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu)

Hoặc là lời ru của một người chị trong gia đình đông con:

“Àu ơ ơ...

Ru em em ngủ cho say
Mẹ còn buồn bán, cha cày ruộng xa
Chị năm lo liệu việc nhà
Anh hai đánh cá, anh ba làm vườn
Trồng cây, cuốc đất, đào mương
Mát tay cam, quýt, mía đường ngọt hơn
Anh tư ủ mắm trái rom
Nằm lên mập mạp nời cơm mình đầy
Chiều chiều sum họp vui vầy

Câu ca vọng cổ kéo dây đờn cò...”

(Lê Thị Hải, ấp An Hòa B, xã Bình Ninh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long)

Những lời ru trên, ít nhiều đều mang tính giáo dục ý thức cho đứa trẻ, nó vẽ lên một hình ảnh gia đình đầy sự sẻ chia và yêu thương. Một gia đình “rất Nam Bộ” với người mẹ bán buôn, người cha làm ruộng, các con giúp sức, để rồi tối về cả nhà quây quần cùng nhau, mang cây đờn cò ra mà đàn, mà hát.

Việc giáo dục con cái qua hát ru là một vấn đề hệ trọng, góp phần ổn định gia đình, làng xã và xây dựng một xã hội đầy tính nhân bản. Qua lời ru, tất cả những mối quan hệ và quy tắc ứng xử được nhắc đến một cách khéo léo, nhẹ nhàng:

“Lên xe nhường chỗ bạn ngồi

Nhường nơi bạn dựa, nhường lời cho bạn phân.”

(Trần Thúy Kiều, xã Thanh Phước, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre)

Hay: “Một cây làm chẳng nên non

Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”

(Trần Thị Hà, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang)

Giáo dục sự đoàn kết, gắn bó để sống trong một môi trường tự nhiên khắc nghiệt nơi vùng đất mới là điều hết sức quan trọng đối với cư dân ĐBSCL. Từ sự đoàn kết này, các cá nhân mới nhận thức rõ bản thân không chỉ bó hẹp trong lợi ích và nghĩa vụ trong gia đình mà còn phải có trách nhiệm với quốc gia, dân tộc:

“Ghé vai gánh vác việc nhà

Sao cho tổ mặt mới là trượng phu.”

(Nguyễn Văn Đức, xã Bình Hàng Tây, Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp)

Hay: “Nhiều điều phủ lấy giá gương

Người trong một nước phải thương nhau cùng.”

(Mai Thị Nhu, xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng)

Tất cả những điều này đã vẽ lên trong đầu đứa trẻ những hình dung ban đầu về gia đình, về cuộc sống, về mơ ước của cha mẹ và về trách nhiệm của bản thân. Đó là thông điệp, là tri thức để đứa trẻ mở rộng tầm hiểu biết về các lĩnh vực. Nói hát ru là một kênh dẫn truyền di sản văn hóa đặc biệt quả là không sai.

Như đã nói ở trên, lời ru không chỉ đơn thuần hát để ru cho trẻ ngủ, mà nó có chức năng giáo dục, chức năng bộc bạch, chức năng định hình ngôn ngữ; ngoài những chức năng đã nói này, ở mảng hát ru giáo dục con cháu này còn mang tính chất phản ánh xã hội và góp phần nhắc nhở các cá nhân khác trong cộng đồng xã hội. Có những chuyện, đôi mắt cùng nhau rất khó mở lời, vậy mà hát ru đã “gánh vác” trách nhiệm đó một cách nhẹ nhàng. Ví dụ, trong làng xã có một anh thanh niên chuyên ăn cắp vặt, không “bắt tận tay, day tận mắt” được nên không thể cảnh cáo cho anh ta chừa. Người ta đành phải nhắn nhủ qua lời hát ru:

“Con cò lấp ló bụi tre

Sao cò lại muốn lăm le cửa người

Vào đây nghe hát đôi lời

Để cho cò hiểu sự đời làm ăn

Sự đời cò lấy làm răn

Để cho cò khỏi bần khoản sự đời.”

(Nguyễn Thị Rén, xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre)

Những câu hát ru, về cơ bản không quy định riêng cho đối tượng nào, nó là một hình thức dân ca, được diễn xướng trong không gian đưa con, đưa em, đưa cháu ngủ. Tuy mang ý nghĩa là dỗ trẻ thể nhưng hát ru đã có một tác dụng răn đe người lớn hết sức ý nhị, khôn khéo: “tuy rằng nói đầy mà đây động lòng”. Câu hát ru vang từ trong nhà ra ngoài ngõ, lời hát ru bay khắp ngõ, cùng thôn. Chính vì thế nên tính dị bản để cho phù hợp với từng đối tượng và không gian hát ru là điều không thể tránh khỏi. Những điều này đã góp phần làm cho hát ru vùng ĐBSCL càng thêm phong phú, đa dạng, hòa vào dòng chảy chung của sự bảo tồn các di sản văn hóa truyền thống.

Theo quy luật phát triển của xã hội, ngày nay lời hát ru ít dần, nhưng nó vẫn còn tồn tại đâu đó trong từng nếp nhà và cả trong suy nghĩ của những người đã từng thơ trẻ. Ở người này là đạo lý làm con, làm cháu; ở người kia là tình nghĩa vợ chồng; người khác nữa là những câu hát than thân trách phận hay bàn về nhân tình thế thái... Dù tồn tại ở dạng thức nào, thì hát ru vẫn được coi là một di sản văn hóa đáng giá, cần được giữ gìn và phát huy.

3. Kết luận

Hát ru của người Việt ở ĐBSCL là một bộ

phận của hát ru Việt Nam, tuy nhiên nó cũng mang những đặc điểm riêng mang đậm dấu ấn văn hóa của vùng đất Nam Bộ. Việc tiếp cận nội dung hát ru của người Việt ở ĐBSCL ở mảng giá trị đạo nghĩa gia đình góp phần làm rõ hơn diện mạo ấy. Có thể nói hát ru là một nét truyền thống của mỗi gia đình Việt, những bài hát ru là yếu tố góp phần hình thành và phát triển nhân cách, dẫn dắt đứa trẻ thơ cảm nhận rõ hơn về hoàn cảnh gia đình, tình thương yêu của các bậc tiền bối, đồng thời cũng là kênh truyền dạy cung cách ứng xử nhẹ nhàng nhất, nhanh chóng nhất, sâu sắc nhất đến các đối tượng tiếp

nhận lời ru. Sự bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc thông qua hát ru mang đậm tính giáo dục. Ngay từ xưa, ông cha ta đã ý thức được việc giáo dục nhân cách phải bắt nguồn từ gia đình, rồi sau đó mới mở rộng ra cộng đồng xã hội, ý thức gắn kết cộng đồng đặt sau ý thức gắn kết gia đình. Hi vọng rằng truyền thống của hát ru nói chung và hát ru của người Việt ở ĐBSCL nói riêng sẽ vận hành và tồn tại cùng với quy trình phát triển của xã hội. Để những bài hát ru sẽ lưu truyền mãi và làm giàu cho tâm hồn con người trong cuộc sống, góp phần giữ gìn, bảo tồn nét đẹp văn hóa tinh thần Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Vương Ngọc Đức, Diên Võ Quân, Tăng Lỗi Quang (2005), *Bí ẩn của bát quái*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [2]. Phạm Phúc Minh (1994), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, NXB Âm nhạc, Hà Nội.
- [3]. Tạ Quang Phát (dịch) (2003), *Khổng Tử - Kinh Thi trọn bộ (Quyển 2)*, NXB Đà Nẵng.
- [4]. Hoàng Phê (Chủ biên) (2008), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [5]. Nguyễn Phương Thảo, Hoàng Thị Bạch Liên (Sưu tầm và biên soạn) (1988), *Văn học dân gian Bến Tre*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [6]. Nguyễn Hữu Thu (1987), *Mẹ hát ru con*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
- [7]. Huỳnh Ngọc Trảng (2010), “Mẹ, hát ru và văn hóa gia đình”, *Báo Giác Ngộ online*, <https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=77F012>.

FAMILY RELATIONSHIP VALUES IN HAT RU BY THE VIETNAMESE IN THE MEKONG DELTA

Summary

Hat ru has existed for long. In Vietnam, hat ru is a popular traditional form of performance arts throughout the whole country. It embodies values of philosophy and unique aesthetics, by which children can be educated both linguistically and creditably at a very young age. With field data collected on hat ru by the Vietnamese in the Mekong Delta, we examine the values of family relationship embedded in this form of arts; thereby showing out the important role of family in shaping children's qualities, specifically seeding in their souls human principles, morals and affections towards family members.

Keywords: hat ru, family relationship values, Mekong Delta.

Ngày nhận bài: 12/08/2016; Ngày nhận lại: 19/9/2016; Ngày duyệt đăng: 27/9/2016.